

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2020
*Về việc Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quyên.

Ông Trần Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Quang C, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 28, đường G, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Tạ Thị V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh C, vắng mặt chị V không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, lời khai của anh Tạ Quang C với nội dung vụ kiện như sau:

Anh Tạ Quang C và chị Tạ Thị V lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào cuối năm 2004 âm lịch và được gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 10/01/2005 âm lịch. Vì thời gian đã lâu nên anh C không nhớ chính xác ngày, tháng vợ chồng đi đăng ký kết hôn, anh H cán bộ tư pháp xã C thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh, giấy chứng nhận kết hôn hiện nay chị V đang quản lý. Sau ngày cưới vợ chồng anh C về sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã C. Năm 2009 vợ chồng xây nhà 2 tầng trên đất của bố mẹ chồng và ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng anh C đang làm nghề cắt tóc gội đầu ở tỉnh Lạng Sơn thì anh C chuyển sang làm công nghệ trên máy tính và phải về làm tại Thành phố Hà Nội; vợ chồng về Hà Nội thuê nhà ở được khoảng 1 năm thì chị V đến nơi anh C làm việc cãi chửi nhau với anh C trước mặt mọi người, sau đó chị V tự đưa các con về sinh sống tại nhà của vợ chồng tại xã C. Sau khi chị V đưa các con về quê mà không được sự đồng ý của anh C nên anh không quan tâm gì đến chị V và các con nữa. Chị V và các con vẫn ở nhà của vợ chồng còn anh C thì ở bên nhà của mẹ đẻ. Mỗi lần anh C có bạn đưa về nhà mẹ đẻ chơi, chị V lại sang có những lời lẽ không tôn trọng anh và các bạn của anh. Chị V còn nói xấu anh với những người xung quanh, thậm chí còn trình lên cả Cha đạo ở nhà thờ P là anh theo Đạo đức chúa trời, nghiện ma túy, ngoại tình. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh C cũng không quan tâm đến các con. Nay anh C cho rằng vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm giữa anh và chị V không còn, yêu cầu xin ly hôn với chị V.

* Ý kiến của chị V lưu tại hồ sơ:

Thời gian và điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Vợ chồng được gia đình bố bên hai bên tổ chức lễ cưới cho theo phong tục địa phương ngày 09/01/2005 âm lịch. Sau ngày cưới, vợ chồng về sinh sống tại nhà chồng ở xã C và sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn do anh C nói là đi học làm người nhưng học ở đâu chị V không biết, mỗi khi về về anh C không về ở chung nhà với chị mà về nhà mẹ đẻ ngay bên cạnh, khi các con gặp chào hỏi nhưng anh C coi như không quen biết, anh C bàn với chị V bán nhà để đi học làm người theo anh nhưng chị V không đồng ý. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, một mình chị V nuôi con, anh chỉ không quan tâm đến vợ con và không đưa chị V một khoản tiền nào để chị nuôi các con ăn học. Chị V không muốn ly hôn vì vợ chồng chị theo đạo công giáo. Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị V không nhất trí và xin đoàn tụ.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do chị Vân vắng mặt không có lý do.

- Về con chung: Anh C và chị V đều xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Thị Thùy D, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Tạ Thị Quỳnh A, sinh

ngày 15/10/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị V. Chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/cháu. Chị V yêu cầu anh C cấp dưỡng một lần cho cả quá trình nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh C nhất trí giao cháu D và cháu A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh C cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng/cháu. Anh C không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng một lần cho cả quá trình nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi của chị V.

- Chị V yêu cầu anh C phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị số tiền là 500.000.000đồng. Anh C không đồng ý.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh C và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, chị Tạ Thị Vân đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa anh Tạ Quang C và chị Tạ Thị V. Về con chung: Đề nghị giao cháu D và cháu A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là 2.000.000đồng/cháu/tháng. Chị V yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con một lần trong suốt quá trình nuôi các con là không phù hợp với điều kiện kinh tế của anh C nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Chị V yêu cầu anh C đền bù tuổi thanh xuân cho chị với số tiền là 500.000.000đồng là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Các vấn đề khác do anh C, chị V không yêu cầu nên không phải giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của anh Tạ Quang C với chị Tạ Thị V và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, chị Tạ Thị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị V đều xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn hiện nay chị V đang giữ nhưng không giao nộp, biên bản xác minh ngày 11/6/2020 đại diện Ủy ban nhân dân xã C xác định có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và cấp chứng nhận kết hôn cho anh C và chị V theo quy định, sổ hộ khẩu gia đình anh C xác định mối quan hệ chị V và anh C là vợ chồng; Giấy khai sinh của cháu D, cháu A đều có tên bố, mẹ là anh C và chị V. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh Tạ Quang C với chị Tạ Thị V là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị, chị V chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa anh C và chị V là phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Thị Thùy D, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị V. Chị V có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng/cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Chị V yêu cầu anh C cấp dưỡng một lần cho cả quá trình nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ năm 2017 đến nay, cháu D và cháu A đều do một mình chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu khỏe mạnh, phát triển và học tập tốt; cả hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với bố và mẹ. Để ổn định cuộc sống và ổn định điều kiện học tập của các cháu và anh C đồng ý nên Hội đồng xét xử thấy giao cháu D và cháu A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng/cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Việc chị V yêu cầu anh C phải cấp dưỡng một lần cho cả quá trình nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi là không phù hợp với điều kiện kinh tế của anh C, anh C không có khả năng cấp dưỡng một lần cho cả quá trình nuôi hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bồi thường tuổi thanh xuân: Chị V yêu cầu anh C bồi thường tuổi thanh xuân là 500.000.000đồng Hội đồng xét xử thấy chị V không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì do đó yêu cầu này của chị V là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Tạ Quang C với chị Tạ Thị V.

- Về con chung:

Giao cháu Tạ Thị Thùy D, sinh ngày 29/10/2005 và cháu Tạ Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu D và cháu A đủ 18 tuổi, anh Tạ Quang C phải cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu A cùng với chị V là 2.000.000đ/cháu/tháng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu D và cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và các vấn đề khác: Anh C và Chị V không yêu cầu do đó không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Anh C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền tạm ứng án phí ly hôn anh C đã nộp theo biên lai số AA/2015/0003655 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam